

Số: 17 /2020/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 08 tháng 7 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phòng chống thiên tai thành phố Hải Phòng ban hành theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về việc thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai (viết tắt là Nghị định số 94/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP (viết tắt là Nghị định số 83/2019/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị quyết số 53/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội và một số chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 100/TTr-SNN ngày 19/6/2020; Báo cáo thẩm định số 19/BCTĐ-STP ngày 27/5/2020 và số 29/BCTĐ-STP ngày 15/6/2020 của Sở Tư pháp.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ Phòng chống thiên tai thành phố Hải Phòng ban hành theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Quản lý thu, kế hoạch thu nộp Quỹ**

Căn cứ đối tượng và mức đóng góp, đối tượng được miễn giảm, tạm hoãn



đóng góp quỹ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 83/2019/NĐ-CP), Cơ quan quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức trên địa bàn thành phố có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức thu nộp quỹ của cơ quan, đơn vị và địa phương như sau:

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Xây dựng kế hoạch thu của cơ quan, đơn vị và địa phương gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện để thẩm định, tổng hợp kế hoạch thu quỹ trên địa bàn;

b) Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm thu, nộp quỹ theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP chuyển vào tài khoản Quỹ cấp huyện do Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền mở tại Kho bạc nhà nước cấp huyện nơi đặt trụ sở hoặc cơ sở kinh doanh;

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, nhân viên trong lực lượng vũ trang thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản quỹ tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn nơi đặt trụ sở;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn (trừ các đối tượng đã thu tại điểm c khoản 1 Điều này) và nộp vào tài khoản quỹ tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo mẫu của Bộ Tài chính.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Thẩm định, tổng hợp kế hoạch thu nộp quỹ của các địa phương, cơ quan, tổ chức trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt (thông qua Cơ quan quản lý Quỹ);

b) Thông báo kế hoạch thu quỹ đối với từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương trên địa bàn theo kế hoạch đã được phê duyệt;

c) Chỉ đạo, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức xây dựng kế hoạch và thực hiện thu nộp quỹ; tổng hợp đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn thu quỹ trên địa bàn;

d) Tổ chức thu quỹ từ Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn và nộp quỹ về tài khoản quỹ thành phố;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo thu nộp, sử dụng quỹ theo quy định và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Quỹ.

e) Mở tài khoản quỹ tại Kho bạc nhà nước cấp huyện để tiếp nhận tiền nộp quỹ.

3. Cơ quan quản lý Quỹ:

a) Thẩm định kế hoạch và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thu nộp quỹ toàn



thành phố; tổng hợp đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn thu quỹ trên địa bàn theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

b) Thông báo kế hoạch thu quỹ của cấp huyện sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

c) Chỉ đạo, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu nộp quỹ theo quy định;

d) Tiếp nhận nguồn thu nộp quỹ từ Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp quỹ tự nguyện.

4. Cục Thuế thành phố có trách nhiệm phối hợp trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 31/3.

5. Thời hạn nộp Quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

**“Điều 8. Quản lý chi Quỹ**

1. Nội dung chi Quỹ được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 83/2019/NĐ-CP) và đảm bảo không trùng lặp với nhiệm vụ chi từ ngân sách nhà nước.

2. Điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác bị thiệt hại do thiên tai theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố chủ trì, tổng hợp thiệt hại do thiên tai và nhu cầu hỗ trợ, cứu trợ của các địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan; phối hợp với Cơ quan quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

4. Mọi khoản thu, chi Quỹ đều được hạch toán qua tài khoản Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước và phải được thanh toán theo quy định.

5. Thẩm quyền chi Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 83/2019/NĐ-CP.”

3. Bổ sung Điều 8a sau Điều 8 như sau:

**“Điều 8a. Mức chi Quỹ**

1. Định mức phân bổ kinh phí quỹ phòng chống thiên tai:

a) Định mức phân bổ kinh phí để cấp huyện, cấp xã chủ động thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai (trừ các nội

dung chi sửa chữa, khôi phục công trình) không vượt quá 20% tổng số thu quỹ phòng chống thiên tai trên địa bàn cấp huyện, xã.

b) Phân bổ, sử dụng kinh phí đối với các ngành, đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo đề xuất của Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố.

## 2. Định mức chuẩn cứu trợ, hỗ trợ

Áp dụng định mức chuẩn theo mức chuẩn trợ giúp xã hội được quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 53/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội và một số chính sách về trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025 là 380.000 đồng, giai đoạn 2021-2025 được tính bằng 1,4 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định của Chính phủ.

## 3. Mức chi cứu trợ, hỗ trợ:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai theo quy định tại khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Trường hợp Nghị định số 136/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

b) Chi hỗ trợ gia đình có nhà ở bị tốc mái do thiên tai:

Nhà ở bị tốc mái dưới 20 m<sup>2</sup> mức hỗ trợ bằng 04 lần định mức chuẩn;

Nhà ở bị tốc mái từ 20 m<sup>2</sup> đến 40 m<sup>2</sup> mức hỗ trợ bằng 08 lần định mức chuẩn;

Nhà ở bị tốc mái từ trên 40 m<sup>2</sup> đến 60 m<sup>2</sup> mức hỗ trợ bằng 10 lần định mức chuẩn;

Nhà ở bị tốc mái trên 60 m<sup>2</sup> mức hỗ trợ bằng 12 lần định mức chuẩn.

4. Hỗ trợ tu sửa, khôi phục cơ sở y tế, trường học, nhà sơ tán phòng tránh thiên tai, tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai: Thực hiện theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không vượt quá 03 tỷ đồng cho mỗi công trình.

5. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai:

a) Chi hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm: Cấp phát thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán khẩn cấp do thiên tai: không quá 40.000 đồng/người/ngày;

b) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai

cấp huyện, cấp xã: Thực hiện theo kế hoạch, dự toán kinh phí và quyết toán kinh phí được phê duyệt hoặc hồ sơ quyết toán theo thực tế phát sinh và cân đối trong nguồn kinh phí quỹ được phân bổ.

6. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ nhưng không vượt quá 3% tổng số thu.”

4. Bổ sung khoản 5 vào Điều 9 như sau:

“5. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

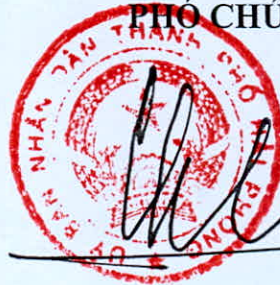
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Giám đốc Quỹ Phòng chống thiên tai thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo TWPCTT;
- TTTU, TTHĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN và PTNT;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Công báo thành phố ;
- Báo Hải Phòng, Đài PTTHHP;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Chuyên